

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030; UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Bắc Ninh; phát huy mọi nguồn lực, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện.

- Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan thực hiện đảm bảo hiệu quả, phát huy vai trò các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo việc triển khai Chương trình kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực để đẩy mạnh và phát triển thị trường KH&CN nhằm nâng cao giá trị giao dịch hàng hóa KH&CN, phát triển tổ chức trung gian thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN, đẩy mạnh việc khai thác, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu KH&CN góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2030

- Giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ hàng năm tăng mạnh, bình quân đạt khoảng 30%, chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực, ngành chủ lực của tỉnh và các sản phẩm xuất khẩu. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 20%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ nhập khẩu đạt 35%. Tỷ trọng giao dịch công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học đạt trên 40% trong tổng giao dịch công nghệ có nguồn gốc trong nước.

- Thành lập sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bắc Ninh.

- Hình thành và phát triển 01 tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa trên thị trường.

- Tổ chức các sự kiện trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, đổi mới sáng tạo thúc đẩy hợp tác đầu tư nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của ít nhất 01 lĩnh vực sản xuất trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Có 80 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động của Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1.1. Rà soát, hoàn thiện chính sách về thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy các giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.2. Đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; cơ chế liên thông thị trường khoa học và công nghệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính và lao động; cơ chế đẩy mạnh hợp tác viện, trường - doanh nghiệp; chính sách thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

1.3. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

1.4. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển và tiếp cận các chính sách, nguồn vốn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh.

1.5. Rà soát và đề xuất hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chế độ báo cáo thống kê của thị trường khoa học và công nghệ.

2. Thúc đẩy phát triển nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

2.1. Tổ chức đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đề xuất cơ chế hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ. Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, tập trung chủ yếu vào các ngành từ C10 đến C30 (nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo). Trong phạm vi đó, ưu tiên khảo sát 150-200 doanh nghiệp thuộc ngành chủ lực của tỉnh Bắc Ninh như: Sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất sản phẩm thuốc lá; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các loại sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu têt bêt; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất.

2.2. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

2.3. Thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng công nghệ hoặc hình thành dự án nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ và năng lực sản xuất của doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, từ năm 2026 trở đi phân đấu mỗi năm một ngành, lĩnh vực.

2.5. Thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh Bắc Ninh. Tổ chức hoạt động nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ thông tin, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ thông tin; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin; đào tạo nhân lực công nghệ thông tin; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin tại Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

2.6. Triển khai các Chương trình, dự án như: Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh định hướng đến năm 2030... để thúc đẩy nguồn cầu công nghệ.

3. Thúc đẩy phát triển nguồn cung của thị trường khoa học và công nghệ

3.1. Triển khai các biện pháp thúc đẩy chuyển giao công nghệ; nhập khẩu, giải mã các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, ưu tiên công nghệ từ các nước phát triển, có tiềm năng tác động lớn và lan tỏa, trước hết là đối với một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu thế mạnh của tỉnh.

3.2. Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ,

cơ giới hóa, chế biến sâu trong nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, dược liệu, thực phẩm, sản phẩm khởi nghiệp, ý tưởng, dự án khởi nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm có khả năng thương mại hóa của tỉnh phục vụ yêu cầu phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp; phát triển vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

3.3. Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình: (1) Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; (2) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; (3) Đề án truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh.

3.4. Tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ; phân đấu trên 90% nhiệm vụ khoa học và công nghệ được duy trì, ứng dụng vào thực tiễn.

4. Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

4.1. Hình thành và phát triển tổ chức trung gian có vai trò đầu mối, cung cấp các dịch vụ có tính hệ thống về thị trường khoa học và công nghệ, như: Sàn giao dịch công nghệ và Thiết bị tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ,...

4.2. Nâng cao năng lực hoạt động các tổ chức trung gian nhất là các tổ chức trung gian thuộc tổ chức khoa học và công nghệ gắn với sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ thuộc khu vực tư nhân.

4.3. Khuyến khích, hỗ trợ kết nối mạng lưới tổ chức, chuyên gia cho các tổ chức trung gian trong hoạt động tư vấn sở hữu trí tuệ, định giá công nghệ, thẩm định một số công nghệ dự án đầu tư.

5. Tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

5.1. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quy mô cấp tỉnh, cấp vùng; quảng bá thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư theo cả hai phương thức trực tuyến và trực tiếp.

5.2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước và ngoài nước.

6. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, truyền thông và hội nhập quốc tế về thị trường khoa học và công nghệ

6.1. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ chức trung gian và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về thị trường khoa học và công nghệ.

6.2. Tăng cường hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

6.3. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác về thị trường khoa học và công nghệ, kết nối thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh với thị trường khoa học và công nghệ trong và ngoài nước.

7. Phát triển hạ tầng của thị trường khoa học và công nghệ

7.1. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng của thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; xây dựng, kết nối với cổng thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung về thị trường khoa học và công nghệ. Từng bước liên thông, tích hợp với các nền tảng kỹ thuật về thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

7.2. Ứng dụng các công cụ phân tích, thống kê, số hóa và xử lý dữ liệu công nghệ; quản trị giao dịch và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

7.3. Đầu tư, phát triển Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bắc Ninh có vai trò đầu mối mạng lưới, hỗ trợ hiệu quả cho các tổ chức trung gian khác thực hiện các dịch vụ tư vấn, môi giới về thị trường khoa học và công nghệ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: Ngân sách Nhà nước và xã hội hoá; vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này; căn cứ tình hình thực tế và nguồn kinh phí giao hàng năm, tổng hợp nội dung kinh phí các nhiệm vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ vào Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

c) Tổng hợp, đề xuất khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu cân đối ngân sách và phân bổ kinh phí theo quy định để tổ chức thực hiện Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; hướng dẫn xây dựng dự toán kinh phí, quyết toán kinh phí theo quy định.

b) Đẩy mạnh thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển các mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng chuyển đổi số, kinh tế số.

3. Sở Công Thương

a) Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử theo chiều sâu, phát huy hiệu quả sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh. Nâng cao hoạt động khuyến công, chú trọng hỗ trợ ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện gắn kết, xúc tiến hoạt động của thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường khoa học và công nghệ, lồng ghép các nhiệm vụ trong Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm.

4. Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển thị trường khoa học và công nghệ; tình hình triển khai, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với từng nhóm đối tượng tới cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Phổ biến nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện Kế hoạch này.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, xác định các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề có lợi thế trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

6. Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo nội dung có liên quan đến tình hình thực hiện Kế hoạch này để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Chủ động kết nối các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương để thu thập nhu cầu về công nghệ, nhu cầu chuyển giao tài sản trí tuệ để cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ nhằm kịp thời xây dựng các nhiệm vụ hỗ trợ phù hợp.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Kế hoạch.

d) Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án tại địa phương.

7. Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, viện, trường, cơ sở nghiên cứu có trụ sở trên địa bàn tỉnh

a) Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào hoạt động chuyên môn, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong tình hình mới, từ đó xây dựng nền kinh tế bền vững;

b) Khuyến khích chuyển giao công nghệ (trừ các công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao, danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ); nhập khẩu, giải mã các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, ưu tiên công nghệ từ các nước phát triển, có tiềm năng tác động lớn và lan tỏa, trước hết là đối với một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh;

c) Tích cực tham gia hoạt động giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ thông qua Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị của tỉnh trên môi trường mạng; các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ do tỉnh, bộ, ngành Trung ương tổ chức.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (*qua đầu mối Sở Khoa học và Công nghệ*) xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, đơn vị;
- + Lưu: VT, KGVX.Dùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Tân Phụng

Phụ lục
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BẮC NINH ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian
1	Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật, chương trình, dự án; truyền thông nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu phát triển thị trường khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo...	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh	2026-2030
2	Số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa giai đoạn đến 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	2026-2030
3	Điều tra, thống kê, thực hiện nhiệm vụ đánh giá tổng thể hiện trạng, cung - cầu của thị trường khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức KH&CN	2026-2027
4	Phối hợp với các cơ quan, tổ chức chuyên môn triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ nghiên cứu, các cán bộ làm công tác hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm trong các viện, trường, các tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	2026-2030
5	Đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ các dự án nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, viện, trường, tổ chức KH&CN	2026-2030
6	Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá, định giá, thẩm định giá công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, tổ chức KH&CN	2026-2030
7	Lựa chọn kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu để hỗ trợ thương mại hóa (hỗ trợ thực hiện thông qua đề tài KH&CN cấp tỉnh hoặc Chương trình phát	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp	2026-2030

	triển thị trường KH&CN Quốc gia...)			
8	Tổ chức, hỗ trợ một số tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia các sự kiện về KH&CN, như: chợ công nghệ và thiết bị, sự kiện Trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo), Techfest... trong và ngoài tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	2026-2030
9	Hình thành và phát triển một số tổ chức trung gian có vai trò đầu mối, cung cấp các dịch vụ công có tính hệ thống về thị trường khoa học và công nghệ (kết nối các tổ dịch vụ khoa học và công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp với Trung tâm ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, viện, trường, tổ chức, doanh nghiệp	2026-2030
10	Xây dựng và tổ chức triển khai 01 sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức KH&CN	2026-2030
11	Phân tích thị trường khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy việc nâng hạng sản phẩm OCOP của tỉnh Bắc Ninh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan.	2026-2030
12	Tổ chức các hội nghị kết nối giữa Doanh nghiệp - Các nhà khoa học, các viện, trường, các tổ chức KH&CN - Các cơ quan quản lý	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, viện, trường, các doanh nghiệp, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	2026-2030
13	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tìm kiếm, lựa chọn và tiếp nhận, thử nghiệm công nghệ; khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Quỹ đầu tư phát triển tỉnh và các cơ quan có liên quan	2026-2030
14	Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp liên quan	2026-2030
15	Khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ; UBND các huyện, thị xã và thành phố, các trường Đại học, Cao đẳng...	2026-2030